

Số: 148 /2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 8 tháng 10 năm 2014

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008 (sau đây gọi là Luật Phòng, chống ma túy);

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh (sau đây gọi là Nghị định số 135/2004/NĐ-CP) và Nghị định số 61/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 135/2004/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định số 61/2011/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 9 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi là Nghị định số 221/2013/NĐ-CP);

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư liên tịch quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội (sau đây gọi là Trung tâm) và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng theo Luật phòng, chống ma túy.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân sử dụng nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm và cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

2. Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Người chưa thành niên nghiện ma túy chữa trị cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm, người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm và người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại gia đình và cộng đồng theo Luật phòng, chống ma túy.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm; hỗ trợ và miễn, giảm chi phí cho các đối tượng quy định tại Thông tư này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Việc lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

2. Kinh phí đảm bảo chi hoạt động thường xuyên, chi đầu tư cơ sở vật chất cho cơ sở cai nghiện bắt buộc và cơ sở điều trị cắt cơn phục vụ cho công tác cai nghiện ma túy tại cộng đồng được thực hiện theo phân cấp ngân sách của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Về bố trí dự toán của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện như sau:

a) Kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính:

- Kinh phí lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa người không có nơi cư trú ổn định vào tổ chức xã hội quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 4 Thông tư này bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan công an lập hồ sơ;

- Kinh phí hỗ trợ tổ chức xã hội quản lý người nghiện không có nơi cư trú ổn định trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được bố trí trong dự toán của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. Hàng năm, cùng thời gian lập dự toán ngân sách nhà nước, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội căn cứ nội dung và mức chi chế độ hỗ trợ tổ chức xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này và dự kiến số lượng người nghiện không có nơi cư trú ổn định vào lưu trú tại tổ chức xã hội trên địa bàn (nếu có), lập dự toán kinh phí hỗ trợ tổ chức xã hội và tổng hợp chung trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, gửi Sở Tài chính xem xét, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định;

- Kinh phí thực hiện kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo nội dung chi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Phòng Tư pháp cấp huyện;

- Kinh phí thực hiện đối chiếu hồ sơ, chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo nội dung chi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội cấp huyện;

- Kinh phí thực hiện đưa người có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, truy tìm người đã có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn trước khi đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4 Thông tư này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan công an cấp huyện;

- Kinh phí thực hiện đưa người chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mà không xác định được nơi cư trú và không còn khả năng lao động vào cơ sở bảo trợ xã hội, truy tìm học viên bỏ trốn khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc, các khoản chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4 và Điều 5 Thông tư này được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Kinh phí thực hiện chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng theo Luật phòng, chống ma túy:

- Kinh phí lập hồ sơ đề nghị đưa người chưa thành niên nghiện ma túy vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm, chi cho công tác tổ chức cai nghiện ma túy và hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của ngân sách xã, phường, thị trấn. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ nội dung, mức chi quy định tại khoản 1 Điều 6 và Điều 10; các khoản hỗ trợ quy định tại Điều 13 và chế độ miễn, giảm cho đối tượng theo quy định tại Điều 12 Thông tư này và quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; số đối tượng nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng, lập dự toán cùng với dự toán ngân sách xã hàng năm trình cấp có thẩm quyền quyết định;

- Kinh phí xét duyệt hồ sơ, đưa người chưa thành niên nghiện ma túy vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm, truy tìm người chưa thành niên đã có quyết định đưa vào Trung tâm nhưng bỏ trốn trước khi đưa vào Trung tâm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều 6 Thông tư này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp huyện;

- Kinh phí lập hồ sơ đề nghị chuyển người chưa thành niên đang chấp hành biện pháp tại Trung tâm vào trường giáo dưỡng; truy tìm người chưa thành niên đang chấp hành quyết định bỏ trốn khỏi Trung tâm; các khoản chi phí cho người chưa thành niên chữa trị, cai nghiện bắt buộc trong thời gian chấp hành quyết định tại Trung tâm; miễn, giảm chi phí cho đối tượng cai nghiện tự nguyện được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của Trung tâm. Hàng năm, cùng thời gian quy định lập dự toán ngân sách nhà nước, Trung tâm căn cứ nội dung, mức chi quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều 6; các khoản chi phí cho người chưa thành niên quy định tại Điều 7 và các khoản miễn, giảm cho đối tượng cai nghiện tự nguyện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này và quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; số đối tượng người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm; lập dự toán cùng với chi thường xuyên của Trung tâm gửi cơ quan chủ quản tổng hợp gửi cơ quan tài chính trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Chương II

NỘI DUNG, MỨC CHI CHO CÔNG TÁC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC, CÁC KHOẢN CHI PHÍ CHO HỌC VIÊN TRONG THỜI GIAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC

Điều 4. Nội dung, mức chi cho công tác áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Chi cho công tác lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:

a) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, cước phí bưu chính, in ấn tài liệu, mẫu biểu phục vụ cho công tác lập hồ sơ: Mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chi xác định tình trạng nghiện ma túy: Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

c) Chi công tác phí cho cán bộ đi xác minh nơi cư trú, bàn giao người vi phạm, xác minh, thu thập tài liệu để lập hồ sơ đề nghị hoặc thu thập tài liệu bổ sung hồ sơ: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là Thông tư số 97/2010/TT-BTC).

2. Chi hỗ trợ các tổ chức xã hội quản lý người nghiện không có nơi cư trú ổn định trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP:

a) Hỗ trợ trực tiếp cho người của tổ chức xã hội được phân công quản lý, giúp đỡ người nghiện theo các chức danh nhân sự quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 14 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP:

- Mức chi: 150.000 đồng/người/ngày đối với phụ trách đơn vị, y sỹ, bác sỹ;

- Mức chi: 100.000 đồng/người/ngày đối với điều dưỡng viên, bảo vệ;

b) Hỗ trợ cho người nghiện không có nơi cư trú ổn định trong thời gian lưu trú tại tổ chức xã hội:

- Tiền ăn: Mức hỗ trợ 40.000 đồng/người/ngày;

- Tiền thuốc chữa bệnh thông thường: 50.000 đồng/người/tháng. Trường hợp trong thời gian lưu trú theo chỉ định của bác sỹ phải điều trị cắt cơn tại tổ chức xã hội: Hỗ trợ một lần tối đa 650.000 đồng/người;

- Quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết: được cấp 02 (hai) bộ quần áo dài, 02 (hai) bộ quần áo lót, khăn mặt, dép nhựa, bàn chải, thuốc đánh răng, xà phòng. Mức 400.000 đồng/người;

- Tiền vệ sinh phụ nữ: 30.000 đồng/người/tháng;

- Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng;

- Đối với người bị nhiễm HIV/AIDS được hỗ trợ theo quy định tại khoản 8 Điều 5 Thông tư này;

c) Hàng năm, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổng hợp danh sách tổ chức xã hội đủ điều kiện quản lý người nghiện không có nơi cư trú ổn định trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. Việc hỗ trợ kinh phí cho tổ chức xã hội thực hiện như sau:

- Định kỳ (3 tháng hoặc 6 tháng), căn cứ số lượng người nghiện không có nơi cư trú ổn định lưu trú tại tổ chức xã hội, tổ chức xã hội có văn bản gửi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị hỗ trợ các khoản chi theo quy định tại các điểm a và b khoản này, kèm theo các tài liệu sau:

- + Bảng tổng hợp kinh phí đề nghị hỗ trợ;
- + Danh sách người nghiện không có nơi cư trú ổn định lưu trú tại tổ chức xã hội (ghi rõ số ngày từng người thực tế lưu trú tại tổ chức xã hội);
- + Bản phô tô các Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho tổ chức xã hội quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/6/2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành biểu mẫu về lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hướng dẫn xây dựng nội quy, quy chế đối với học viên của cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- + Danh sách người của tổ chức xã hội được phân công quản lý, giúp đỡ người nghiện theo quy định tại điểm a khoản này;
- + Các chứng từ chi tiêu có liên quan đến việc hỗ trợ cho người nghiện quy định tại điểm b khoản này (để đối chiếu, tổ chức xã hội trực tiếp thực hiện lưu giữ theo quy định hiện hành);

- Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ tài liệu của tổ chức xã hội theo quy định, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và cấp kinh phí hỗ trợ cho tổ chức xã hội (theo mức chi quy định tại các điểm a và b khoản này và số lượng người nghiện không có nơi cư trú ổn định lưu trú tại tổ chức xã hội theo thời gian thực tế). Trường hợp kinh phí đề nghị hỗ trợ vượt dự toán được cấp có thẩm quyền giao, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội gửi Sở Tài chính thẩm định trình cấp có thẩm quyền xem xét bổ sung dự toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật. Trường hợp không giải quyết hỗ trợ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Chi tiền tàu xe hoặc thuê mướn phương tiện vận chuyển đưa người không có nơi cư trú ổn định vào tổ chức xã hội; đưa người đã có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; đưa người chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mà không xác định được nơi cư trú và không còn khả năng lao động vào cơ sở bảo trợ xã hội: Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng tại địa phương. Trường hợp sử dụng phương tiện của cơ quan, đơn vị, chi phí tính theo số km và tiêu hao nhiên liệu thực tế; trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng, chứng từ, hóa đơn thực tế và phù hợp với giá trên địa bàn cùng thời điểm.

4. Chi truy tìm người đã có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng bỏ trốn trước khi đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; truy tìm học viên bỏ trốn khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc:

a) Chi cho người được giao nhiệm vụ truy tìm đối tượng bỏ trốn:

- Chi chế độ công tác phí: Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC. Ngoài chế độ công tác phí, trong những ngày truy tìm đối tượng bỏ trốn được bồi dưỡng: 100.000 đồng/người/ngày;

- Chi chế độ làm đêm, thêm giờ: Thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ công chức, viên chức.

b) Hỗ trợ cho đối tượng trong những ngày đi trên đường:

- Tiền ăn: 40.000 đồng/ngày/người;

- Tiền ngủ (nếu có) theo mức quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC.

Điều 5. Các khoản chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Chi phí cai nghiện, chăm sóc sức khỏe:

a) Khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ: Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

b) Tiền thuốc cắt con (trừ trường hợp đã được điều trị cắt con tại tổ chức xã hội), giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội; thuốc chữa bệnh thông thường; khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần. Việc điều trị cắt con nghiện ma túy, khám sức khỏe định kỳ thực hiện theo quy định của Bộ Y tế. Mức chi theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp. Cơ sở lập dự toán phù hợp với tình hình thực tế hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Chi phí điều trị đối với học viên bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo vượt quá khả năng điều trị của cơ sở cai nghiện bắt buộc: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

2. Tiền trang bị quần áo và đồ dùng sinh hoạt thiết yếu, học văn hóa: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

3. Tiền ăn: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

4. Tiền hoạt động văn nghệ, thể thao theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP: mức 70.000 đồng/học viên/năm.

5. Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/học viên/tháng.

6. Chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy; phòng, chống HIV/AIDS; vệ sinh môi trường và an ninh, trật tự an toàn xã hội cho học viên: Nội dung và mức chi theo Thông tư số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

7. Tiền học nghề:

a) Học viên chưa có nghề hoặc có nghề nhưng không phù hợp, có nhu cầu

học nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng được hỗ trợ một lần chi phí học nghề. Căn cứ trình độ và năng lực của học viên; điều kiện về cơ sở vật chất của cơ sở cai nghiện bắt buộc và tình hình thực tế, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định hình thức học nghề cho phù hợp. Mức hỗ trợ cụ thể tùy theo từng đối tượng, từng nghề, thời gian học nghề thực tế và hình thức học nghề nhưng tối đa không vượt quá mức quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn và các văn bản hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg; không hỗ trợ tiền học nghề cho học viên bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ lần thứ hai trở đi đã được học nghề;

b) Hình thức học nghề:

- Trường hợp học viên học nghề do cơ sở trực tiếp tổ chức thì cơ sở cai nghiện bắt buộc được chi các nội dung: Khai giảng, bế giảng, cấp chứng chỉ nghề; mua tài liệu, giáo trình học nghề; thù lao giáo viên dạy lý thuyết và giáo viên hướng dẫn thực hành nghề; hỗ trợ nguyên, nhiên, vật liệu học nghề; chỉnh sửa, biên soạn lại chương trình, giáo trình (nếu có); chi phí điện, nước, phục vụ lớp học; sửa chữa tài sản, thiết bị dạy nghề; chi thuê thiết bị dạy nghề (nếu có); chi cho công tác quản lý lớp học không quá 5% tổng kinh phí cho lớp đào tạo;

- Trường hợp học viên học nghề theo hình thức liên kết đào tạo giữa cơ sở cai nghiện bắt buộc với cơ sở dạy nghề, cơ sở cai nghiện bắt buộc thanh toán theo hợp đồng đào tạo.

8. Đối với học viên bị nhiễm HIV/AIDS được trợ cấp thêm tiền thuốc chữa bệnh, tiền mua sắm các vật dụng phòng, chống lây nhiễm HIV và các khoản chi hỗ trợ khác (trừ tiền ăn, tiền thuốc chữa trị cai nghiện) theo quy định tại Quyết định số 96/2007/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý, chăm sóc, tư vấn điều trị cho người nhiễm HIV và phòng lây nhiễm HIV tại các cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, cơ sở chữa bệnh, cơ sở bảo trợ xã hội, trại giam, trại tạm giam và các văn bản hướng dẫn Quyết định.

9. Chi phí mai táng đối với trường hợp học viên chết trong thời gian chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến trong vòng 24 giờ, cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm tổ chức mai táng. Mức mai táng phí tối đa là 8.100.000 đồng/người. Trong trường hợp cần trưng cầu giám định pháp y để xác nhận nguyên nhân chết, cơ sở cai nghiện bắt buộc thanh toán chi phí giám định pháp y theo quy định tại Thông tư số 34/2014/TT-BTC ngày 21/3/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y.

10. Tiền ăn đường, tiền tàu xe: Học viên thuộc đối tượng là thân nhân người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo, sau khi chấp hành xong quyết định trở về nơi cư trú được cấp tiền ăn đường, tiền tàu xe như sau:

a) Tiền ăn là 40.000 đồng/người/ngày trong những ngày đi đường, tối đa không quá 3 ngày;

b) Tiền tàu xe theo giá phương tiện công cộng phổ thông.

11. Các khoản chi khác: Mức chi căn cứ vào hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm:

a) Thuê chuyên gia tư vấn cho học viên về chuyển đổi hành vi phục hồi nhân cách, kỹ năng sống, tái hòa nhập cộng đồng, về phòng chống tái nghiện ma tuý, dự phòng lây nhiễm HIV và các bệnh truyền nhiễm khác (nếu có);

b) Chi mua, in ấn tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ cho công tác tư vấn, giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi phục hồi nhân cách, phòng chống tái nghiện ma tuý, dự phòng lây nhiễm HIV và các bệnh truyền nhiễm khác cho học viên;

c) Chi cho công tác vệ sinh môi trường, phòng dịch.

12. Các mức chi quy định tại khoản 4, 5 và 10 Điều này là mức tối thiểu, tùy điều kiện cụ thể và khả năng ngân sách, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho phù hợp.

Chương III

NỘI DUNG, MỨC CHI CHO CÔNG TÁC ĐƯA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN VÀO CAI NGHIỆN BẮT BUỘC TẠI TRUNG TÂM, CÁC KHOẢN CHI PHÍ CHO NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN TRONG THỜI GIAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH TẠI TRUNG TÂM

Điều 6. Nội dung, mức chi cho công tác đưa người chưa thành niên vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm

1. Chi cho công tác lập hồ sơ đề nghị đưa người chưa thành niên vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm: mức chi 150.000 đồng/hồ sơ.

2. Chi lập hồ sơ đề nghị chuyển người chưa thành niên đang cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm vào trường giáo dưỡng quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 61/2011/NĐ-CP: mức chi 100.000 đồng/hồ sơ.

3. Chi họp Hội đồng tư vấn xét duyệt hồ sơ đề nghị đưa người chưa thành niên vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm:

a) Chủ tịch hội đồng: 150.000 đồng/người/buổi;

b) Thành viên hội đồng, thư ký: 100.000 đồng/người/buổi;

c) Chi nước uống cho người tham dự. Mức chi theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC.

4. Chi tiền tàu xe hoặc thuê mướn phương tiện vận chuyển đưa người chưa thành niên đã có quyết định vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm: mức chi theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này.

5. Chi truy tìm người chưa thành niên đã có quyết định vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm nhưng bỏ trốn trước khi đưa vào Trung tâm; truy tìm người chưa thành niên đang chấp hành quyết định bỏ trốn khỏi Trung tâm: nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư này.

Điều 7. Các khoản chi phí cho người chưa thành niên chữa trị, cai nghiện bắt buộc trong thời gian chấp hành quyết định tại Trung tâm

1. Tiền trang bị quần áo và đồ dùng sinh hoạt thiết yếu, học văn hóa: thực hiện theo quy định tại các Điều 41 và Điều 42 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP. Căn cứ vào định mức hiện vật trang bị cho người chưa thành niên, Trung tâm lập dự toán hàng năm trên cơ sở giá cả thực tế trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chi phí cai nghiện, chăm sóc sức khỏe: thực hiện theo quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 5 Thông tư này. Chi phí điều trị đối với người chưa thành niên bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo trong thời gian nằm viện mà không có thể bảo hiểm y tế được Trung tâm hỗ trợ toàn bộ chi phí khám bệnh, chữa bệnh. Trường hợp người chưa thành niên có thể bảo hiểm y tế còn thời hạn sử dụng được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Luật bảo hiểm y tế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật bảo hiểm y tế. Trung tâm hỗ trợ phần chi phí khám bệnh, chữa bệnh còn lại không được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán.

3. Chi cho các nội dung chi quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 5 Thông tư này.

Chương IV

CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP VÀ CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM ĐỐI VỚI NGƯỜI TỰ NGUYỆN CHỮA TRỊ, CAI NGUYỆN TẠI TRUNG TÂM

Điều 8. Các khoản đóng góp

1. Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm phải đóng góp toàn bộ chi phí trong thời gian ở Trung tâm (trừ trường hợp được miễn, giảm theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), gồm các khoản chi phí sau:

- a) Tiền ăn;
- b) Thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện và thuốc chữa bệnh thông thường khác;
- c) Xét nghiệm tìm chất ma túy và các xét nghiệm khác;
- d) Sinh hoạt văn nghệ, thể thao;
- đ) Học văn hoá, học nghề (nếu bản thân đối tượng có nhu cầu);
- e) Điện, nước, vệ sinh;
- g) Tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất;
- h) Phục vụ, quản lý.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định mức đóng góp trên cơ sở đảm bảo đủ chi phí.

Điều 9. Chế độ miễn, giảm

Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm được xem xét miễn hoặc giảm một phần chi phí chữa trị, cai nghiện trong thời gian cai nghiện tại Trung tâm theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Căn cứ khả năng ngân

sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể chế độ miễn hoặc giảm đối với từng đối tượng.

Chương V

NỘI DUNG, MỨC CHI CHO CÔNG TÁC TỔ CHỨC CẢI NGHIỆN MA TUÝ TẠI GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG; CHẾ ĐỘ ĐÓNG GÓP VÀ MIỄN GIÁM, HỖ TRỢ TIỀN THUỐC CẮT CƠN NGHIỆN MA TUÝ

Điều 10. Nội dung, mức chi cho công tác tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng

1. Chi lập, thẩm tra hồ sơ cai nghiện tự nguyện tại gia đình và cộng đồng; lập hồ sơ cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng: 30.000 đồng/hồ sơ.

2. Chi họp thẩm tra, xét duyệt hồ sơ đề nghị cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng:

a) Thành viên tham dự: 50.000 đồng/người/buổi;

b) Chi nước uống cho người tham dự. Mức chi theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC.

3. Chi hỗ trợ cho cán bộ Tổ công tác cai nghiện ma túy (do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập) khi tham gia công tác điều trị, quản lý, bảo vệ, tư vấn, hỗ trợ người cai nghiện như sau:

a) Chi hỗ trợ công tác quản lý: văn phòng phẩm, in hồ sơ, mua sổ sách, trang thiết bị phục vụ việc theo dõi, thống kê, lập danh sách, quản lý hồ sơ người cai nghiện ma túy. Mức chi thanh toán theo thực tế phát sinh trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chi hỗ trợ cán bộ tham gia công tác điều trị, quản lý, bảo vệ người cai nghiện ma túy trong thời gian điều trị cắt cơn nghiện ma túy bắt buộc tập trung tại cộng đồng với mức 50.000 đồng/người/ngày;

c) Chi hỗ trợ cho cán bộ được giao nhiệm vụ tư vấn về tâm lý, xã hội cho người cai nghiện ma túy với mức như sau:

- 50.000 đồng/buổi tư vấn/người cai nghiện ma túy;

- 70.000 đồng/buổi tư vấn/nhóm người cai nghiện ma túy (từ hai người trở lên);

d) Chi hỗ trợ cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình và cộng đồng: mức hỗ trợ cụ thể và số lượng cán bộ do Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với điều kiện thực tế về số lượng đối tượng nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng và điều kiện địa lý của từng xã, phường, thị trấn nhưng mức tối đa là 350.000 đồng/người/tháng.

4. Chi phí vận chuyển người nghiện ma túy từ nơi cư trú của người nghiện đến cơ sở điều trị cắt cơn tập trung tại cộng đồng (nếu có). Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng tại địa phương. Trường hợp sử dụng phương tiện của cơ quan, đơn vị, chi phí tính theo số km và tiêu hao nhiên liệu

thực tế; trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng, chứng từ, hóa đơn thực tế và phù hợp với giá trên địa bàn cùng thời điểm.

Điều 11. Các khoản đóng góp

1. Người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc và tự nguyện tại cộng đồng hoặc gia đình của người nghiện ma túy có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí trong thời gian cai nghiện (trừ trường hợp được miễn, giảm theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và được hỗ trợ một số khoản theo quy định tại Điều 13 Thông tư này), gồm:

- a) Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn;
- b) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện;
- c) Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt cơn;
- d) Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có).

2. Mức đóng góp cụ thể do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định mức đóng góp theo nguyên tắc đảm bảo đủ chi phí, phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương.

Điều 12. Chế độ miễn, giảm

Người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng được xét miễn hoặc giảm một phần chi phí trong thời gian cai nghiện tập trung tại cộng đồng theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Căn cứ khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể chế độ miễn hoặc giảm đối với từng đối tượng.

Điều 13. Chế độ hỗ trợ

1. Người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy mức 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

2. Người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ các khoản sau:

- a) Tiền thuốc hỗ trợ điều trị cắt cơn nghiện ma túy: 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;
- b) Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung: mức 40.000 đồng/người/ngày, thời gian tối đa không quá 15 ngày.

3. Các mức trợ cấp quy định tại khoản 1 và 2 Điều này là mức tối thiểu; tùy theo điều kiện cụ thể của địa phương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét,

quyết định mức hỗ trợ cho phù hợp.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành


1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 11 năm 2014.
2. Thông tư liên tịch số 27/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính- Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, các khoản đóng góp và chế độ miễn, giảm, hỗ trợ đối với đối tượng trong cơ sở chữa bệnh và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị, các địa phương phản ánh về Bộ Tài chính, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội để nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

THỦ TRƯỞNG *Đàm*

Nguyễn Trọng Đàm

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH

THỦ TRƯỞNG *Trương*

Trương Chí Trung

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng, Thủ tướng CP, các Phó TTCP;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Sở Tài chính, KBNN, Sở LĐTBXH các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật-Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ TC, Bộ LĐTBXH;
- Các đơn vị thuộc Bộ TC, Bộ LĐTBXH;
- Lưu VT: Bộ TC, Bộ LĐTBXH (350b).